



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN LSD

Lịch sử đảng (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG

Nội dung

Câu 1: Trình bày những chuyển biến mới của tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?.....	4
Câu 2: Trình bày khái quát chính sách cai trị của thực dân Pháp và tác động của chính sách đó đến xã hội Việt Nam?.....	5
Câu 3: Trình bày các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời? Từ kết quả của các phong trào đấu tranh yêu nước, hãy rút ra kết luận về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta?.....	5
Câu 4: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX?.....	6
Câu 5: Trình bày vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?.....	6
Câu 6: Trình bày sự phát triển phong trào đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam (1919-1930) và giải thích tại sao giai cấp công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam?.....	7
Câu 7: Phân tích đường lối cách mạng thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2 năm 1930)? Ý nghĩa của Cương lĩnh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam?.....	7
Câu 8: Hãy chứng minh: Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?.....	8
Câu 9: Phân tích nội dung cơ bản của Luận cương chính trị (tháng 10 năm 1930) và rút ra nhận xét?.....	8
Câu 10: Nêu những điểm giống và khác nhau về nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng?.....	9
Câu 11: Vì sao Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong giai đoạn 1939-1945? Nội dung chủ trương chiến lược mới của Đảng được thông qua tại Hội nghị BCHTW 8 (tháng 5 năm 1941)?.....	10
Câu 12: Làm rõ nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945)? Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương như thế nào? Ý nghĩa của chủ trương?.....	10
Câu 13: Tại sao nói: Sau cách mạng tháng Tám nước ta lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”? Để giải quyết tình thế trên, Trung ương Đảng và Chính phủ đã có những chủ trương như thế nào?.....	11
Câu 14: Trình bày chủ trương, sách lược hòa hoãn của Đảng trong những năm 1945 – 1946 và ý nghĩa lịch sử?.....	13
Câu 15: Trình bày nội dung, ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống Pháp?.....	149
Câu 16: Trình bày nội dung và ý nghĩa Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951)?.....	162
Câu 17: Trình bày nội dung và ý nghĩa đường lối chiến lược chung được Đảng ta thông qua tại Đại hội lần thứ III (tháng 9-1960)?.....	193

Câu 18: Trình bày đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965? Ý nghĩa của Nghị quyết trên? 206.....	21
Câu 19: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo miền Bắc chuyển hướng phát triển kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1965-1975? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này? 209.....	23
Câu 20: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này?.....	26
Câu 21: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, ? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này?.....	29
Câu 22: Trình bày quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau ngày 30-04-1975?.....	33
Câu 23: Trình bày nội dung cơ bản, ý nghĩa và hạn chế của Đại hội IV của Đảng (12-1976)?.....	35
Câu 24: Trình bày những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?.....	39
Câu 25: Trình bày ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới.	41
Câu 26: Trình bày những chủ trương đổi mới được đề ra tại Đại hội VI của Đảng (12-1986). Ý nghĩa của Đại hội VI?.....	43
Câu 27: Trình bày sáu đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong <i>Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)?	45
Câu 28: Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của <i>Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)?.....	49
Câu 29: Trình bày những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định tại Đại hội IX của Đảng (4-2001)? Ý nghĩa của Đại hội IX?.....	51
Câu 30: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Hội nghị Trung ương 7, khóa X (7-2008)?.....	54
Câu 31: Trình bày những điểm bổ sung, phát triển chủ yếu của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.....	57
Câu 32: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (5-2014)?.....	61
Câu 33: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013)?	66

- Câu 34: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 9, khóa XII (10-2018)?.....69
- Câu 35: Phân tích bài học “*Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*”?.....73
- Câu 36: Phân tích bài học “*Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”?.....75
- Câu 37: Phân tích bài học “*Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế*”?.....78

CHƯƠNG 1

Câu 1: Trình bày những chuyển biến mới của tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Gợi ý trả lời:

- * *Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX:*
 - Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền.
 - Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi.
 - Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (QT 3) được thành lập.
- * *Tình hình trong nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*
 - Chính sách thống trị của thực dân Pháp.
 - Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp.

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc thực hiện chính sách: bên trong tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài gia tăng các hoạt động xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc làm đời sống nhân dân lao động trên thế giới trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các

dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; là ánh sáng soi đường cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Mặt khác, chủ nghĩa Mác – Lenin được truyền bá rộng rãi từ khoa học đến hiện thực; đánh đổ giai cấp tư sản, thành lập nhà nước công nông, chỉ rá hướng đi cho nhân loại, đó là bỏ qua Tư bản chủ nghĩa, đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Tháng 3 năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2: Trình bày khái quát chính sách cai trị của thực dân Pháp và tác động của chính sách đó đến xã hội Việt Nam?

Gợi ý trả lời:

**** Chính sách cai trị của thực dân Pháp***

- Về chính trị...
- Về kinh tế...
- Về văn hóa...

**** Tác động của chính sách đối với xã hội Việt Nam***

- Các giai cấp trong xã hội bị biến đổi
- Xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản...

Câu 3: Trình bày các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời? Từ kết quả của các phong trào đấu tranh yêu nước, hãy rút ra kết luận về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta?

Gợi ý trả lời:

**Các phong trào đấu tranh yêu nước*

- Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến
- Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản

**Kết luận*

- Các phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt và rộng khắp. Tuy nhiên, đều lần lượt bị thực dân Pháp đàn áp và nhanh chóng thất bại.
- Chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến và dân chủ tư sản không phù hợp với con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Đưa lịch sử dân tộc Việt Nam lâm vào cảnh bế tắc, khủng hoảng về đường lối...

Câu 4: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX?

Gợi ý trả lời:

- Nguyên nhân thất bại:

- + Thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội.
- + Chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc.
- + Chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù...

- Ý nghĩa lịch sử:

- + Góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam,

+ Góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại...

Câu 5: Trình bày vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Gợi ý trả lời:

- Khái quát giai đoạn Nguyễn Ái Quốc tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc (1911-1920):
 - + Nguyễn Ái Quốc đến với Cách mạng tháng Mười Nga.
 - + Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp.
 - + Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxây.
 - + Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin
 - + Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, sau đó tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- Giai đoạn Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1930):
 - + Về tư tưởng:...
 - + Về chính trị:...
 - + Về tổ chức:...

Câu 6: Trình bày sự phát triển phong trào đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam (1919-1930) và giải thích tại sao giai cấp công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam?

Gợi ý trả lời:

- * *Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam 1919-1930*
- Giai đoạn 1919 – 1925: tự giác, đặc trưng và có ý thức giai cấp

- Giai đoạn 1926 – 1930: phát triển mạnh mẽ về số lượng, chất lượng và quy mô.

**Giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng vì:*

- Mang đặc điểm chung của công nhân thế giới: lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của xã hội; có ý thức tổ chức và tính kỉ luật cao; tinh thần cách mạng triệt để...

- Giai cấp công nhân Việt Nam còn mang những đặc điểm riêng: Bị ba tầng áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân...

Câu 7: Phân tích đường lối cách mạng thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2 năm 1930)? Ý nghĩa của Cương lĩnh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam?

Gợi ý trả lời:

**Nội dung đường lối cách mạng thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên*

- Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam
- Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam
- Xác định lực lượng cách mạng
- Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc
- Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế
- Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng

** Ý nghĩa:*

- Giá trị lý luận của cương lĩnh
- Giá trị thực tiễn của cương lĩnh

Câu 8: Hãy chứng minh: Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?

Gợi ý trả lời:

- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 giành được thắng lợi.
- Quốc tế Cộng sản III (tháng 3-1919) ra đời.

- Các phong trào đấu tranh yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản ở Việt Nam đều thất bại.

- Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc quyết định đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, của Quốc tế Cộng sản và bắt đầu xúc tiến việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin về Việt Nam.

- Tháng 6 năm 1925, thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

- Từ năm 1928, phong trào “vô sản hóa”.

- Đến năm 1929, 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời chứng tỏ điều kiện thành lập đảng đã chín muồi.

- Từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng thành một đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9: Phân tích nội dung cơ bản của Luận cương chính trị (tháng 10 năm 1930) và rút ra nhận xét?

Gợi ý trả lời:

****Nội dung của Luận cương chính trị:***

- Về mâu thuẫn giai cấp ở Đông Dương
- Tính chất của cách mạng Đông Dương
- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền
- Về lực lượng cách mạng
- Về phương pháp cách mạng
- Về quan hệ quốc tế
- Về vai trò lãnh đạo của Đảng

****Nhận xét***

- Ưu điểm: xác định đúng các vấn đề chiến lược; thấy rõ sức mạnh liên minh của giai cấp công – nông.

- Hạn chế: về xác định nhiệm vụ cách mạng trong cách mạng tư sản dân quyền; về tập hợp lực lượng cách mạng.

- Nguyên nhân: do ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản; không nhận thấy rõ mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam; chưa đánh giá đúng vai trò, vị trí của các giai tầng trong xã hội.

Câu 10: Nêu những điểm giống và khác nhau về nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng?

Gợi ý trả lời:

- Giống nhau:
 - + Xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam: thực hiện cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - + Nhiệm vụ cách mạng: chống đế quốc và chống phong kiến
- Khác nhau:
 - + Về nội dung của cuộc cách mạng tư sản dân quyền.
 - + Về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

Câu 11: Vì sao Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong giai đoạn 1939-1945? Nội dung chủ trương chiến lược mới của Đảng được thông qua tại Hội nghị BCHTW 8 (tháng 5 năm 1941)?

Gợi ý trả lời:

**Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược vì:*

- Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật.
- Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến.
- Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”.

** Chủ trương chiến lược mới của Đảng trong Hội nghị BCHTW 8*

- Nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp - Nhật
- Chủ trương “dân tộc giải phóng”, tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”.
- Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”.
- Tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc trong mặt trận Việt Minh.
- Sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm.

Câu 12: Làm rõ nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945)? Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương như thế nào? Ý nghĩa của chủ trương?

Gợi ý trả lời:

**Nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp*

- Đầu năm 1945, phe phát xít Đức lâm vào sự diệt vong.
- Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương...

** Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương*

Đề ra chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (12-3-1945) với nội dung:

- Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính.
- Xác định kẻ thù: phát xít Nhật và bọn tay sai của chúng.
- Khẩu hiệu đấu tranh: đánh đuổi phát xít Nhật.
- Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa tháng Tám.

** Ý nghĩa*

- Thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời, nhạy bén của Đảng ta.
- Có giá trị và ý nghĩa như một chương trình hành động.
- Tạo cơ sở cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng...

CHƯƠNG 2

Câu 13: Tại sao nói: Sau cách mạng tháng Tám nước ta lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”? Để giải quyết tình thế trên, Trung ương Đảng và Chính phủ đã có những chủ trương như thế nào?

Gợi ý trả lời:

* Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” vì:

- Từ bên ngoài, Việt Nam bị các lực lượng đế quốc bao vây, cấm vận.
- Ở trong nước, các thế lực phản động và tay sai của thực dân Pháp nổi dậy chống phá.

Hệ thống chính quyền cách mạng còn rất non trẻ, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề; kinh tế nghèo nàn, lạc hậu...

* Chủ trương xây dựng chế độ mới và bảo vệ chính quyền cách mạng

- Ngày 3-9-1945, trong phiên đầu tiên của Chính phủ lâm thời, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định 3 nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

- Ngày 11-11-1945, Đảng buộc phải rút vào hoạt động bí mật, dưới hình thức tuyên bố “Tự ý giải tán”.

- Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*.

* Ý nghĩa của Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”

Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng nguy hiểm của nước nhà.

Sau ngày tuyên bố độc lập, Việt Nam đã bước sang chặng đường mới với nhiều thuận lợi cơ bản.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã tác động, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa;

làm cho các thế lực đế quốc và bọn phản động quốc tế hết sức lo sợ, chúng tìm mọi cách chống phá hòng thủ tiêu Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Nền độc lập của VN chưa được quốc gia nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Các nước đế quốc ra sức bao vây cấm vận nhằm kiềm hãm sự phát triển của nước ta. Mỹ công khai ủng hộ, giúp đỡ Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam và Đông Dương. Anh cũng ra sức ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương.

Mặt khác, các thế lực phản động và tay sai của thực dân Pháp nổi dậy chống phá.

Từ tháng 9/1945, theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở phía Nam Việt Nam. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng đội quân Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23/9/1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Quân tướng

Hơn thế nữa,

Ở trong nước, hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói. Thách thức

Tình hình đó đã đẩy nước ta vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, phải cùng lúc đối phó với nạn đói, nạn dốt và thù trong giặc ngoài.

Trước tình thế đó, Đảng và chính phủ lâm thời đã đưa ra chủ trương xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng.

Mở đầu là phiên họp ngày 3/9/1945.

Ngày 11/11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự ý giải tán” nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Với mô hình một đảng duy nhất cầm quyền, việc Đảng “giải tán” có thể nói là quyết định táo bạo, khôn khéo và cần thiết của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Giải thích rõ hơn về sự kiện quan trọng này, tại Đại hội toàn quốc lần thứ II (diễn ra từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Lúc này, Đảng ta không thể do dự,

Đảng phải quyết đoán mau lẹ, phải sử dụng những biện pháp, dù là biện pháp đau đớn để cứu vãn tình thế.

Câu 14: Trình bày chủ trương, sách lược hòa hoãn của Đảng trong những năm 1945 – 1946 và ý nghĩa lịch sử?

Gợi ý trả lời:

**** Hoàn cảnh lịch sử:***

- Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn – Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu.

- Quân đội Tưởng và tay sai thực hiện âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh”.

**** Chủ trương ngoại giao của Đảng:***

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc ngày 25/11/1945, xác định: “Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc “bình đẳng và tương trợ”. Phải đặc biệt chú ý những điều này: một là thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”. Đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”.

**** Sách lược hòa hoãn của Đảng:***

Thứ nhất, Đảng chủ trương thực hiện sách lược hòa hoãn với quân Tưởng:

- Lý do hòa với Tưởng:

+ Về phía ta

+ Về phía quân Tưởng

- Các biện pháp thực hiện:

+ Tiến hành cuộc tiếp xúc ngoại giao với khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện”.

+ Nhân nhượng với Tưởng một số quyền lợi về kinh tế.

- + Nhân nhượng với Tưởng một số quyền lợi về chính trị.
- Kết quả: Giữ vững và củng cố chính quyền mới, phá vỡ âm mưu lật đổ của Tưởng, dồn sức kháng chiến chống Pháp ở miền Nam.

Thứ hai, hòa hoãn với Pháp để đuổi Tưởng về nước:

- Lý do của việc hòa với Pháp: Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa-Pháp được ký kết.
- Chủ trương của Đảng: tạm thời là “dàn hòa với Pháp”.
- Biện pháp thực hiện:
 - + Ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946;
 - + Tổ chức Hội nghị trù bị ở Đà Lạt tháng 4-1946;
 - + Phái đoàn Quốc hội đi thăm thiện chí nước Pháp tháng 4-1946;
 - + Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Pháp từ ngày 11-6 đến 18-9-1945;
 - + Đàm phán chính thức Pháp - Việt tại Phôngtennoblô từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946;
 - + Ký Tạm ước 14-9-1946.
- Kết quả của việc hòa với Pháp:
 - + Tranh được cùng một lúc đối đầu với nhiều kẻ thù.
 - + Kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
 - + Nêu cao thiện chí hòa bình.

** Ý nghĩa:*

- Ngăn chặn bước tiến của của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; Củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của Cách mạng Tháng Tám; Tạo thêm thời gian hòa bình, hòa

hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

- Sách lược ngoại giao của Đảng ra giai đoạn 1945-1946 đã để lại nhiều bài học quý báu trên lĩnh vực đấu tranh ngoại giao.

Câu 15: Trình bày nội dung, ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống Pháp? 149

Gợi ý trả lời:

* *Hoàn cảnh lịch sử:*

- Cuối năm 1946, thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

* *Nội dung đường lối kháng chiến:*

Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được tập trung trong những văn kiện quan trọng của Đảng như: Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh (8-1947),...

+ Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn.

+ Nội dung cơ bản của đường lối là kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ *Kháng chiến toàn dân*: “Bất kì đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kì người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

+ *Kháng chiến toàn diện*: đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:

Về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.

Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là “triệt để dùng du kích, vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài... vừa đánh vừa vũ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ”.

Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cấp, tập trung phát triển nền nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

Về văn hóa: xóa bỏ văn hóa thực dân phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Về ngoại giao: thực hiện thêm bạn, bớt thù, biểu dương thực lực. “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập,...

+ *Kháng chiến lâu dài (trường kì): là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.*

+ *Dựa vào sức mình là chính: “phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.*

+ *Triển vọng kháng chiến: mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.*

** Ý nghĩa:*

Đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đối với trong nước: việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với quốc tế: thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

Câu 16: Trình bày nội dung và ý nghĩa Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951)? 162

Gợi ý trả lời:

Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951), với nội dung cơ bản như sau:

+ Xác định tính chất của xã hội Việt Nam

Trước khi thuộc Pháp, xã hội Việt Nam căn bản là một xã hội phong kiến, nông dân là giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất. Từ khi thuộc Pháp, Việt Nam là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến; giai cấp công nhân Việt Nam hình thành và trưởng thành nhanh; tư bản Việt Nam ra đời nhưng bị tư bản độc quyền Pháp đè nén nên không phát triển được. Khi Nhật xâm chiếm Việt Nam, chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cũng trở nên phát-xít hóa, làm cho nhân dân Việt Nam càng thống khổ hơn.

+ Xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam

+ Xác định động lực của cách mạng Việt Nam

+ Xác định triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam

+ Đề ra 15 chính sách lớn của Đảng

** Ý nghĩa:*

... “Chính cương Đảng Lao động Việt Nam” thể hiện sự hoàn chỉnh thêm một bước đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được vạch ra trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, đường lối đó soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Nội dung của Chính cương thể hiện một bước trưởng thành của Đảng về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn

Câu 17: Trình bày nội dung và ý nghĩa đường lối chiến lược chung được Đảng ta thông qua tại Đại hội lần thứ III (tháng 9-1960)? 193

Gợi ý trả lời:

** Nội dung đường lối:*

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể:

- Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam: Hai nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, song hai nhiệm vụ đó trước mắt đều có một mục tiêu chung là thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc, đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước là mâu thuẫn giữa Nhân dân ta với đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai của chúng. Giải quyết mâu thuẫn chung ấy là trách nhiệm của cả nước

- Về mục tiêu chiến lược chung

- Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền

- Về hòa bình thống nhất Tổ quốc

- Về triển vọng của cách mạng Việt Nam

- Về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

** Ý nghĩa của đường lối:*

- Thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng là giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra sức mạnh tổng hợp dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo trong của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ trong lịch sử.

- Là cơ sở để toàn Đảng, toàn dân đoàn kết chặt chẽ thành một khối...

Đại hội đã nêu lên những bài học kinh nghiệm lớn:

- Xây dựng được một chính đảng Mác - Lênin, đoàn kết nhất trí, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, luôn luôn giữ vững quyền lãnh đạo cách mạng.

- Vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, đề ra đường lối, phương châm cách mạng kết hợp đúng đắn nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến, coi nhiệm vụ chống đế quốc và bè lũ tay sai của chúng là nhiệm vụ chủ yếu nhất và nhiệm vụ phản phong kiến phải tiến hành từng bước, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ phản đế.

- Giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, thực hiện được khối liên minh công nông vững chắc.

- Dựa trên cơ sở khối liên minh công nông vững mạnh, tập hợp mọi lực lượng dân tộc và dân chủ thành một mặt trận thống nhất rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Lấy việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản, khéo phối hợp hoạt động không hợp pháp với hoạt động hợp pháp, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kết hợp lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị.

- Xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân.

- Tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân, củng cố nền tảng liên minh công nông của nó, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

- Khéo lợi dụng những mâu thuẫn cục bộ và tạm thời trong nội bộ kẻ thù.

- Tăng cường đoàn kết quốc tế.

Câu 18: Trình bày đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965? Ý nghĩa của Nghị quyết trên? 206

Gợi ý trả lời:

** Hoàn cảnh lịch sử:*

- Đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh cục bộ, đồng thời, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc.

- Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc.

** Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:*

- Về quyết tâm chiến lược
- Về mục tiêu chiến lược
- Về phương châm chiến lược
- Về tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam
- Về tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc
- Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền.

** Ý nghĩa của Nghị quyết:*

- Nội dung đường lối nêu trên thể hiện gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Là cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi cuối cùng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương là những văn kiện lịch sử quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

của dân tộc ta, có ý nghĩa quyết định trong giai đoạn phát triển cao của cuộc chiến tranh.

+ Hội nghị lần thứ 11 đã chủ trương tiếp tục xây dựng miền Bắc thành một hậu phương lớn với định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện có chiến tranh. Đó là một chủ trương thích hợp, bảo đảm miền Bắc tiếp tục làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, cách mạng miền Bắc đã có bước chuyển hướng kịp thời về kinh tế, quốc phòng, tư tưởng và tổ chức để tiến lên giành thắng lợi mới trong những giai đoạn tiếp theo của cách mạng.

+ Hội nghị lần thứ 12 đã phân tích một cách khoa học so sánh lực lượng giữa ta và địch, khẳng định thất bại tất yếu của đế quốc Mỹ, vạch rõ nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng hai miền, động viên quân đội và nhân dân cả nước giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao ý chí tự lực tự cường và ra sức tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của bè bạn quốc tế, tiến lên đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược.

Câu 19: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo miền Bắc chuyển hướng phát triển kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1965-1975? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này? 209

Gợi ý trả lời:

** Hoàn cảnh lịch sử:*

Từ ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam.

** Quá trình lãnh đạo của Đảng:*

- Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) của Đảng xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc.

- Từ tháng 11-1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn.

- Đảng lãnh đạo quân dân miền Bắc đã làm nên một trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973).

- Cuối năm 1973, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm 1974-1975.

** Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng:*

Đó là một chủ trương đúng đắn và có ý nghĩa to lớn trong việc chỉ đạo công tác tuyên truyền, cổ động của Đảng ở miền Bắc thời gian này. Từ chủ trương này, những vấn đề căn bản nhất của công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền, cổ động nói riêng được xác định kịp thời và chính xác. Nhờ đó, công tác tuyên truyền, cổ động chính trị của Đảng ở miền Bắc được triển khai mạnh mẽ, rầm rộ và liên tục trong suốt những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, góp phần to lớn vào việc động viên, cổ vũ tinh thần chiến đấu và sản xuất của nhân dân miền Bắc, biến sức mạnh tinh thần đó thành sức mạnh vật chất vượt qua mọi gian nan, thử thách, giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến đấu không cân sức giữa dân tộc ta và đế quốc Mỹ

- Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã đạt được nhiều thành tựu rất đáng tự hào về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, đời sống,...

- Tuy nhiên, nền kinh tế miền Bắc còn bộc lộ những hạn chế. Do về chủ quan, Đảng và Nhà nước đã mắc một số sai lầm, bắt nguồn từ nhận thức đơn giản, duy ý chí, chưa nắm đúng quy luật vận động đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nền sản xuất nhỏ mang tính tự cung tự cấp...

Từ ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên “sự kiện vịnh Bắc bộ” nhằm lấy cớ, đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra rất ác liệt kể từ đầu tháng 2-1965, với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra.

Trước tình hình đó, theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh: *Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế* cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; *Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng* cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; *Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất* để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; *Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức* cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ cụ thể nói trên của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”, trong chiến đấu có “Nhắm thẳng quân thù mà bắn”, trong chi viện tiền tuyến có “Thóc không thiếu

một cân, quân không thiếu một người”, trong bảo đảm giao thông vận tải có “Xe chưa qua, nhà không tiếc”,... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng, sáng tạo với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, từ tháng 11-1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam. Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chấp hành các nghị quyết của Đảng, sau ba năm phấn đấu gian khổ, từ năm 1969 đến năm 1972, tình hình khôi phục kinh tế và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên nhiều mặt.

Từ tháng 4-1972, để ngăn chặn cuộc tập kích chiến lược của quân dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải thảm bom 12 ngày đêm bằng pháo đài bay B.52 tại Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Trước hành động chiến tranh điên cuồng của địch, Trung ương Đảng đã phát động quân dân miền Bắc nhanh chóng phát triển cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại đến đỉnh cao, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam, giữ vững lập trường đàm phán. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhất là trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Thắng lợi của quân dân cả nước đã buộc đế quốc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán, ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973), công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất của nước Việt Nam, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc,...

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, miền Bắc có hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974-1975. Với khí thế chiến thắng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường.

Câu 20: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này?

Gợi ý trả lời:

** Hoàn cảnh lịch sử:*

Vào đầu mùa khô 1965-1966, đế quốc Mỹ ồ ạt đem quân vào miền Nam, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất. Với mục tiêu “tìm diệt” quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, “bình định” các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng.

** Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của Đảng:*

- Ngày 25-3-1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 nêu rõ: “ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra”.

- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, Đảng hạ quyết tâm đánh thắng Mỹ ngay từ trận đầu: ở Núi Thành (5-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965). Đẩy mạnh chiến tranh du kích; xây dựng các vành đai diệt Mỹ. Chủ trương: cứ đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh thắng Mỹ.

- Đảng chỉ đạo đánh thắng 2 cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967.

- Ngày 28-1-1967, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13, quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

- Tháng 12-1967, Bộ Chính trị ra nghị quyết, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định.

- Đảng chỉ đạo tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

** Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng:*

- Đảng đã sớm dự kiến xu hướng phát triển của chiến tranh, xác định đúng quyết tâm đánh Mỹ trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, giữa tiến công và phản công. Đã chọn đúng hướng tiến công, sáng tạo cách đánh mới, tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc chiến tranh, đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ...

- Bên cạnh đó, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động quân sự năm 1968, chúng ta đã phạm phải sai lầm trong việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát thực tế, gây nhiều khó khăn và tổn thất cho cách mạng miền Nam.

Vào đầu mùa khô 1965-1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu V và miền Đông Nam bộ bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn. Mục tiêu của cuộc phản công này là “tìm diệt” quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, “bình định” các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng ở những địa bàn nói trên.

Ngày 25-3-1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 nêu rõ: “ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra”.

Năm 1965, quân dân ta tập trung tìm hiểu đối phương, tìm cách đánh Mỹ. Quân và dân miền Nam đã đánh thắng quân chiến đấu Mỹ ở Núi Thành (5-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965)... , bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, làm thất bại kế hoạch tìm và diệt, bình định nhằm giành quyền chủ động trên chiến trường của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Miền Bắc bước đầu đánh thắng chiến tranh phá hoại, đảm bảo giao thông thông suốt, chi viện cho chiến trường ngày càng nhiều và hiệu quả.

Đến mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng

và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề³. Chẳng những thế, chúng còn bị quân ta mở đòn tấn công bất ngờ trên chiến trường Trị-Thiên, buộc phải bị động căng quân ra để chống đỡ.

Đến mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề³. Chẳng những thế, chúng còn bị quân ta mở đòn tấn công bất ngờ trên chiến trường Trị-Thiên, buộc phải bị động căng quân ra để chống đỡ.

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được đã mở ra cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam những triển vọng to lớn. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, thừa lúc địch sơ hở và hoàn toàn bất ngờ, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt một đã được phát động trên toàn miền Nam từ vĩ tuyến 17 cho đến mũi Cà Mau. Quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, kho tàng, hầu hết các cơ quan đầu não địch ở trung ương và địa phương, căn cứ quân sự của Mỹ, từ Đường 9-Khe Sanh đến đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ vang dội là ở Sài Gòn-Gia Định, Huế

Câu 21: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc giai đoạn 1969-1975? Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này?

Gợi ý trả lời:

** Hoàn cảnh lịch sử:*

Từ đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ Níchxơn đã đề ra chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” để duy trì chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

** Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của Đảng:*

- Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) đã đề ra chủ trương chuyển hướng tấn công, lấy nông thôn làm hướng chính, đẩy lùi chương trình “bình định” của địch.

- Phối hợp với quân và dân Campuchia đánh bại cuộc hành quân của 10 vạn quân Mỹ và giải phóng được vùng Đông-Bắc Campuchia.

- Phối hợp với quân và dân Lào đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-Ngụy đánh vào Đường 9-Nam Lào.

- Mở cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972.

- Đẩy mạnh cuộc chiến tranh ngoại giao kết hợp với quân sự, đi đến ký kết Hiệp định Pari vào ngày 27-1-1973.

- Tháng 7-1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 (khóa III) đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Từ tháng 10-1973, Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập các quân đoàn chủ lực.

- Hội nghị Bộ chính trị đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn

toàn miền Nam. Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 và dự kiến nếu thời cơ đến, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

- Đảng chỉ đạo mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên, tiến công giải phóng Buôn Ma Thuột (10-3-1975). Mở chiến dịch giải phóng Huế (26-3-1975) và chiến dịch giải phóng Đà Nẵng (29-3-1975). Sau khi tạo thế và lực, Đảng ta chủ động chỉ đạo chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn-Gia Định (26-4-1975).

** Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng:*

- Đảng ta đã đề ra đường lối, phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, khoa học và sáng tạo.

- Đảng luôn trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, kiên định lập trường và quyết tâm đánh đế quốc Mỹ xâm lược vì mục tiêu độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

- Đảng ta đã đánh giá đúng sức mạnh kẻ thù và khả năng của ta.

- Đề ra nhiều quyết định xuất sắc về mặt chiến lược, nhất là ở những thời điểm mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến.

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, từ đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ Níchxon đã đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên “Học thuyết Níchxon” với ba nguyên tắc trụ cột là: “cùng chia sẻ”; “sức mạnh của Mỹ” và “sẵn sàng thương lượng”. Níchxon chủ trương thay chiến lược “chiến tranh cục bộ” bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, một chính sách rất thâm độc nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” để tiếp tục cuộc chiến tranh xin lỗi thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

Mỹ đã áp dụng một loạt biện pháp như: ra sức củng cố nguy quyền, xây dựng nguy quân đông và hiện đại; ráo riết thực hiện chương trình bình định; tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm chặn đứng sự chi viện cho miền Nam; tìm mọi cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu của Việt Nam. Trong hai năm 1969-1970, sự phản kích ác liệt của Mỹ-ngụy trong các chiến dịch bình định

cấp tốc, xây dựng lại cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa thực dân mới ở nông thôn đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch. Về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ.

Tháng 3-1970, Mỹ tiến hành cuộc đảo chính ở Campuchia, lật đổ chính phủ Vương quốc trung lập do Hoàng thân Nô rô đôm Xiha núc đứng đầu, dựng lên chính quyền tay sai Lon Non. Đây là một nấc thang chiến tranh nguy hiểm của Mỹ nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược của ta, cắt đứt tuyến đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam, qua đất Campuchia. Cuộc hành quân xâm lược của Mỹ-ngụy đã thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân Campuchia. Trong thời gian ngắn, các lực lượng vũ trang của ta đã phối hợp với quân và dân bạn kịp thời phản công địch, đánh bại cuộc hành quân của chúng, giải phóng được vùng Đông-Bắc Campuchia và kiểm soát được nhiều vùng nông thôn rộng lớn khác buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố rút quân ra khỏi Campuchia (6-1970).

Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-ngụy đánh vào Đường 9-Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia.

Những thắng lợi quân sự nói trên, cùng với những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong việc đánh phá kế hoạch “bình định” của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Quân ngụy Sài Gòn, cái “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị suy yếu nghiêm trọng.

Vào mùa Xuân-hè năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh. Cuộc tiến công chiến lược được bắt đầu từ hướng chủ yếu là Trị-Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ, rồi đến đồng bằng Khu V và đồng bằng sông Cửu Long.

Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Paris đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta.

Trước tình hình nghiêm trọng nói trên, tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng và nhấn mạnh: bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trước yêu cầu phát triển của cuộc chiến tranh cách mạng vào giai đoạn cuối, từ tháng 10-1973 trở đi, Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập các quân đoàn chủ lực có đủ các thành phần binh chủng kỹ thuật, hợp thành những quá đấm mạnh, có khả năng cơ động cao, hoạt động trên những hướng chủ yếu, nhằm tiêu diệt quân chủ lực của địch.

Hội nghị Bộ Chính trị đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 theo tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích-tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

CHƯƠNG 3

Câu 22: Trình bày quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau ngày 30-04-1975?

Gợi ý trả lời:

** Quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau ngày 30-4-1975*

- Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

- Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn.

- Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

- Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành.

- Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Sự kiện này đã hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

** Ý nghĩa:*

- Là cơ sở để thống nhất trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước.

- Là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Thực hiện chủ trương đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri, đạt tỷ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang,

các đại biểu tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc ít người và các tôn giáo... trên cả nước.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước; Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và **Phạm Văn Đồng** làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

Câu 23: Trình bày nội dung cơ bản, ý nghĩa và hạn chế của Đại hội IV của Đảng (12-1976)?

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội.

** Nội dung cơ bản của Đại hội IV*

- Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng.

- Đại hội đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam; sửa đổi *Điều lệ Đảng*; bầu Ban Chấp hành Trung ương và bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư.

- Đại hội nêu ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam.

- Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta với 4 đặc trưng cơ bản.

- Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế.
- Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976-1980).

** Ý nghĩa:*

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

** Hạn chế:*

- Chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh.
- Đưa ra nhiều chủ trương nóng vội, chủ quan duy ý chí.

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi *Điều lệ Đảng*, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “*Một là*, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. *Hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra¹². *Ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”.

Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầy đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán

kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được

mô hình CNXH cũ đã bộc lộ những khuyết tật trầm trọng, các nước XHCN Liên Xô và Đông Âu rơi vào sa sút, khủng hoảng và bị các nước CNTB ngày càng phát triển bỏ xa. Những khó khăn, khủng hoảng của phe XHCN tác động sâu sắc đến nước ta, trong khi những khuyết tật của cơ chế tập trung bao cấp bộc lộ ngày càng nghiêm trọng.

Kinh tế Việt Nam mất cân đối lớn, kinh tế quốc doanh và tập thể luôn thua lỗ nặng, không phát huy tác dụng. Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm triệt để. Sản xuất chậm phát triển, thu nhập quốc dân, năng suất thấp, đời sống nhân dân khó khăn, xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

Mặt khác, khó khăn còn do sai lầm, khuyết điểm của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô, quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất; đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, chậm đổi mới các chính sách chế độ kìm hãm sản xuất; đã quan liêu, xa rời thực tế, không nhạy bén với những thay đổi của vận động xã hội, bảo thủ, trì trệ, lạc quan thiếu cơ sở.

Câu 24: Trình bày những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?

Đại hội V của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 27 đến ngày 31-03-1982.

** Những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng*

- Đại hội khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xác định các nhiệm vụ của chặng đường trước mắt.

- Đại hội xác định hai nhiệm vụ chiến lược, có quan hệ mật thiết với nhau của cách mạng Việt Nam.

- Đại hội nêu các nội dung, bước đi, cách thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên.

** Ý nghĩa:*

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế.

** Hạn chế:*

- Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối.

- Đại hội vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm.

- Đại hội vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng.

Đại hội V của Đảng họp tại Hà Nội (từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982) trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Ngoài thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng... Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới:

Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là thời

kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Hiện nay nước ta đang ở chặng đường đầu tiên với nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội rất nặng nề. Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. “Kinh nghiệm của 5 năm 1976-1980 cho thấy phải cụ thể hóa đường lối của Đảng-đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vạch ra chiến lược kinh tế, xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”¹. Chặng đường trước mắt trong những năm 80 là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xây dựng; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ là nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Nhận thức đó phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề..., làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo.

Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại. Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn; khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện, nên đã không có được những sửa chữa đúng mức và cần thiết. Tuy nhiên, Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

Câu 25: Trình bày ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

Gợi ý trả lời:

- *Bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng là tại Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Theo đó, nhiều chủ trương mới đã được ban hành như Quyết định (10-1979), Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981), Quyết định số 25-CP và Quyết định số 26-CP (1981).

- *Bước đột phá thứ hai* là tại là Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6-1985), Trung ương chủ trương xóa quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- *Bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế* là “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế” tại Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986). Nội dung đổi mới có tính đột phá là về cơ cấu sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế. Đây là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng.

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hóa, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Mặt khác, đưa ra chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công

việc cần làm ngay: Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6-1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xóa quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng.

Câu 26: Trình bày những chủ trương đổi mới được đề ra tại Đại hội VI của Đảng (12-1986). Ý nghĩa của Đại hội VI?

Gợi ý trả lời:

* *Những chủ trương đổi mới được thông qua tại Đại hội VI (12-1986)*

- Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986. Đại hội đề ra chủ trương đổi mới ở một số lĩnh vực cơ bản sau:

+ Về kinh tế:

- Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế.
- Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.
- Xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- Xác định năm phương hướng lớn phát triển kinh tế.

+ Về chính sách xã hội: xác định bốn nhóm chính sách xã hội.

+ Về quốc phòng và an ninh: đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

+ Về nhiệm vụ đối ngoại: tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương.

+ Về xây dựng Đảng: Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

** Ý nghĩa:*

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ niệm đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

Đại hội rút ra bốn bài học quý báu: *Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. *Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Về chính sách xã hội, Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được

những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.

Về quốc phòng và an ninh: Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Về nhiệm vụ đối ngoại: Góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng Đảng: Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng

Câu 27: Trình bày sáu đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)?

Gợi ý trả lời:

** Sáu đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)*

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Đại hội VII đã thông qua văn kiện quan trọng là “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

- Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản:

- (1) Do nhân dân lao động làm chủ.
 - (2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
 - (3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
 - (4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
 - (5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
 - (6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.
-

** Sáu đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)*

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Đại hội VII đã thông qua văn kiện quan trọng là “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

- Cương lĩnh đã trình bày xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản:

- (1) Do nhân dân lao động làm chủ.

Truyền thống trọng dân, lấy dân là gốc là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, được Đảng ta kế thừa và phát huy, và là tiền đề để Đảng ta khẳng định vai trò, vị trí của Nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Nhân dân lao động là lực lượng chủ yếu trong đấu tranh và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Điều đó được khẳng định xuyên suốt qua các giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhân dân lao động là lực lượng

xây dựng đất nước, là lực lượng hợp thành, nuôi dưỡng, bảo vệ các tổ chức chính trị.

(2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Khi xác lập quan hệ sản xuất, chúng ta tuyệt đối hoá vai trò của công hữu, làm cho quan hệ sản xuất chỉ còn tồn tại giản đơn dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Sở hữu công mà tiêu biểu là kinh tế nhà nước, đóng vai trò nòng cốt và là xương sống của nền kinh tế, định hướng và dẫn dắt các loại hình sở hữu khác phát triển theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp và chính sách của Nhà nước, bằng các đòn bẩy của kinh tế nhà nước như đầu tư vốn, cho vay tín dụng, cung ứng thiết bị và công nghệ cao, đặt hàng, tiêu thụ sản phẩm, liên kết, liên doanh sản xuất, kinh doanh... Muốn làm được như vậy, các đơn vị sản xuất kinh tế công hữu phải là những công ty, tổng công ty, tập đoàn mạnh, nắm công nghệ cao, có tài chính vững, làm ăn có năng suất, chất lượng, hiệu quả, tự chủ và đủ sức tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, bằng thực lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

(3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đặc trưng này thể hiện mặt đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội; thể hiện mối quan hệ biện chứng, sự kết hợp hài hoà giữa cái truyền thống và cái hiện đại, giữa giá trị bản sắc dân tộc với những giá trị văn hoá tinh hoa, tinh túy của nhân loại trong nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí, vai trò chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Đồng thời, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người; chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

(4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, trình độ phát triển của xã hội chủ nghĩa, rõ ràng, là bản chất và trình độ phát triển người, của con người. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Nhưng bản tính con người là không bao giờ thỏa mãn với những gì đã đạt được. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội. Điều quan trọng hơn là nó được thăng hoa tiềm năng trí tuệ, tình cảm và năng lực vốn có để thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình. Sự phát triển toàn diện con người là ước mơ, khát vọng của con người tự do. Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người... như C.Mác đã nói. Đặc trưng người nhất của khát vọng con người là hạnh phúc. Bởi có thể người ta giàu có, đầy đủ tiện nghi, được phát triển, song vẫn bất hạnh. Hạnh phúc là trạng thái yên lành, hài hòa, là tinh thần thoải mái biểu hiện sự mãn nguyện thanh cao nhất của con người. Phấn đấu đạt tới một xã hội bảo đảm hạnh phúc cho con người, đó là một xã hội văn hóa cao.

(5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Nếu như các đặc trưng nêu trên (kinh tế, văn hóa, con người) là những yếu tố thuộc phẩm chất bên trong tạo nên một chỉnh thể xã hội, thì ở đặc trưng này đòi hỏi những yếu tố thiết yếu cho sự tồn tại bền vững của xã hội lành mạnh. “Bình đẳng” là một phẩm chất và giá trị nhân quyền thể hiện trình độ phát triển và chất nhân văn cao của xã hội. Một đòi hỏi quan trọng của xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia. Mặt khác, “đoàn kết” là sức mạnh - đó là một chân lý. Hồ Chí Minh đã khái quát rằng: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công. “Bình đẳng” và “đoàn kết” chính là nền tảng của sự “tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc.

(6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Đặc trưng này phản ánh xu thế lớn của tình hình thế giới là hòa bình, hợp tác và phát triển, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đó cũng là nguyện vọng chân thành của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 28: Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*) được thông qua tại Đại hội VII (6-1991)?

Gợi ý trả lời:

** Nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991:*

- Cương lĩnh tổng kết 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra 5 bài học lớn.
- Cương lĩnh nêu rõ 6 đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
- Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại.
- Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị.

** Ý nghĩa:*

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

** Nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991:*

- Cương lĩnh tổng kết 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra 5 bài học lớn.

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Cương lĩnh nêu rõ 6 đặc trưng cơ bản xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1 - Do nhân dân lao động làm chủ. 2 - Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. 3 - Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 4 - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. 5 - Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. 6 - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

- Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1 - Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. 2 - Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; phát triển một nền nông nghiệp toàn diện. 3 - Thiết lập quan hệ sản xuất từ thấp đến cao, đa dạng về hình thức sở hữu và phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. 4 - Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. 5 - Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc. 6 - Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. 7 - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại. Mục tiêu tổng quát phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của CNXH, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước XHCN phồn vinh.

- Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

** Ý nghĩa:*

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Câu 29: Trình bày những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định tại Đại hội IX của Đảng (4-2001)? Ý nghĩa của Đại hội IX?

Gợi ý trả lời:

** Những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

Đại hội IX của Đảng đã họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001. Văn kiện của Đại hội IX nổi bật với những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

- Khẳng định xây dựng chủ nghĩa xã hội phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.

- Xác định nội dung đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

- Chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội

- Chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

**Ý nghĩa:*

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Gợi ý trả lời:

** Những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

Đại hội IX của Đảng đã họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001. Văn kiện của Đại hội IX nổi bật với những nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

- Khẳng định xây dựng chủ nghĩa xã hội phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu

mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

- Xác định nội dung đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

- Chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội.

- Chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn

trọng nghĩa tình, lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

**Ý nghĩa:*

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Câu 30: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Hội nghị Trung ương 7, khóa X (7-2008)?

Gợi ý trả lời:

Hội nghị Trung ương 7 đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (25-7-2008).

** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:*

- Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước; là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

- Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

- Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng, vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới

sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

Gợi ý trả lời:

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, Hội nghị Trung ương 7 đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (25-7-2008).

**** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:***

- Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước; là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kể từ khi hình thành, đảng ta luôn tin tưởng vào đội ngũ thanh niên, tìm mọi cách để phát huy vai trò làm chủ và tiềm năng của thanh niên để thanh niên có thể thực hiện sứ mệnh lịch sử, là thế hệ xung kích, đi đầu trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập, đấu tranh thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, độc lập, hạnh phúc. Khi đất nước ta còn nằm dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, ngay từ năm 1925 trong thư Gửi thanh niên Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, đất nước sẽ không còn nếu thanh niên không được "hồi sinh", thức tỉnh. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đất nước độc lập, thống nhất, Bác dạy: "Thanh niên là chủ tương lai của nước nhà".

- Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chúng ta định hướng cho thanh niên hành động, xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo.

Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm của các cấp, các ngành.

- Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong lao động tập thể, trở thành những công dân tốt của đất nước. Cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, khởi nghiệp, sáng tạo, làm chủ được khoa học - công nghệ, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu cho mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng, vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống

hiển, trưởng thành và sáng tạo; được học tập, được khởi nghiệp, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, nhân văn.

Câu 31: Trình bày những điểm bổ sung, phát triển chủ yếu của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.

Gợi ý trả lời:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011, có kết cấu bốn phần cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, song có bổ sung, phát triển ở một số điểm chủ yếu sau:

- Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm.
- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta
 - + Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Các đặc trưng khác diễn đạt mới, rõ hơn.
 - + Về mục tiêu của chặng đường sắp tới: đến giữa thế kỷ XXI toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - + Cương lĩnh năm 2011 đã xác định tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
 - + Cương lĩnh năm 2011 xác định tám mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết tốt.
 - Cương lĩnh đưa ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
 - Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.
 - + Cương lĩnh bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng.
 - + Cương lĩnh bổ sung, làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng

Gợi ý trả lời:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011, có kết cấu bốn phần cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, song có bổ sung, phát triển ở một số điểm chủ yếu sau:

- Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm.

Cương lĩnh năm 2011 có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cách diễn đạt mới đảm bảo vừa trung thực với lịch sử, vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại trong tình hình mới. Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó.

- Cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn: Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ bảo đảm bằng từ quyết định ở bài học thứ 5; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

+ Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của

nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Các đặc trưng khác diễn đạt mới, rõ hơn.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

+ Về mục tiêu của chặng đường sắp tới: Cương lĩnh năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Cương lĩnh năm 2011 đã xác định tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

+ Cương lĩnh năm 2011 xác định tám mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết tốt.

Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

- Cương lĩnh đưa ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Về kinh tế, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Về văn hóa, xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Về quốc phòng, an ninh, mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch

đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Về đối ngoại, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

- + Cương lĩnh bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

- + Cương lĩnh bổ sung, làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Câu 32: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (5-2014)?

Gợi ý trả lời:

Hội nghị Trung ương 9 (5-2014) đã chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

**** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:***

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước.

- Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa.

- Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và xây dựng con người mới.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Gợi ý trả lời:

Trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế; sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông; quá trình toàn cầu hóa, trong đó có toàn cầu hóa về văn hóa đã và đang đặt ra những yêu cầu mới. Hội nghị Trung ương 9 (5-2014) đã chủ trương tiếp tục xây dựng và

phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:*

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước.

Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh thì không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Phát triển bền vững phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người phát triển toàn diện. Hệ thống di sản văn hóa, các giá trị văn hóa là “tài sản” vô giá, vô tận cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đó còn là cơ sở tinh thần cho sự ổn định xã hội và sự bền vững của chế độ ta. Mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây cũng chính là mục tiêu của văn hóa. Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một đất nước thấm sâu trong văn hóa, con người. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, cái tốt, cái tiến bộ nhưng không thể tách rời, bỏ qua cội nguồn, phát triển phải vừa trên cội nguồn, cội nguồn đó của mỗi dân tộc là văn hóa.

- Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Nhận thức được đúng tính chất, vai trò, vị trí quan trọng của văn hóa, quan điểm nhất quán của Đảng ta từ rất sớm đã luôn coi văn hóa là một trong những trụ cột quan trọng cần có sự quan tâm đầy đủ và đồng bộ để tạo nên sức mạnh tổng hợp của quốc gia trong quá trình phát triển. Ngay từ năm 1943, bản Đề cương về văn hóa Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa là một trong ba mặt trận chính trị - kinh tế - văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, theo Người, trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần được coi trọng ngang nhau, đó là chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Người khẳng định, “chính trị nghĩ rộng cũng là văn hóa và văn hóa nghĩ sâu cũng là chính trị”. “Văn hóa cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị”.

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ, trong đó, cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị truyền thống tốt đẹp, bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong cuộc sống; dũng cảm, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm ...

- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa.

Quan điểm chỉ đạo này cho thấy, mối liên hệ bên trong mật thiết, gắn bó chặt chẽ, không thể tách rời giữa văn hóa với con người, giữa con người với văn hóa, về thực chất, phát triển văn hóa là phát triển con người, lấy phát triển con người là trọng tâm. Phát triển con người không chỉ tạo ra chất lượng nguồn nhân lực để phát triển văn hóa mà con người với năng lực sáng tạo, trình độ học vấn, tiềm lực trí tuệ, phẩm giá đạo đức, lối sống của nó, tựu trung lại là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người là tính hướng đích, là mục đích, mục tiêu của phát triển văn hóa. Xét theo quan điểm giá trị thì hệ giá trị Chân - Thiện - Mỹ của văn hóa cũng chính là hệ giá trị phát triển con người, con người vừa với tư cách là chủ thể mang nhân cách của chính mình, phản ánh những chuẩn mực, yêu cầu của mẫu nhân cách xã hội vừa với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa, sản xuất ra văn hóa dưới dạng các sản phẩm, các giá trị đồng thời còn là chủ thể quản lý, cảm thụ, tiêu dùng văn hóa,...

- Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Diện mạo tinh thần của dân tộc Việt Nam - một dân tộc giàu truyền thống văn hóa và văn hiến được thể hiện tập trung và nổi bật ở trí tuệ và tâm hồn, đạo đức, nhân cách và lối sống tốt đẹp của con người Việt Nam. Đó là những con người yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo như Nghị quyết của Đảng đã chỉ ra. Chỉ như vậy, văn hóa và con người mới thực sự là mục tiêu và động lực của phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước, mới tạo ra sức mạnh của nguồn lực nội sinh, sức mạnh tổng hợp của đất nước, dân tộc, con người và văn hóa đưa sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế Việt Nam tới thành công, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nội sinh của văn hóa như nguồn trữ năng vật chất - tinh thần của cả xã hội, kết hợp với ngoại sinh được tận dụng nhờ hội nhập quốc tế có hiệu quả, tạo ra nội lực và ngoại lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam.

- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và xây dựng con người mới. Đồng bộ môi trường văn hóa là tạo dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, trong cộng đồng dân cư, ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học và mỗi gia đình. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam mà trọng tâm là xây dựng môi trường văn hóa phải bắt đầu từ xây dựng văn hóa gia đình. Vì chính gia đình là nơi sinh ra, giáo dục và nuôi dưỡng thể lực và nhân cách của mỗi con người, đó là nguồn lực tổng hợp như vốn xã hội để phát triển. Kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện vật chất và nguồn sống cho phát triển văn hóa, nhưng phát triển kinh tế chưa bao giờ tách rời khỏi sự nâng đỡ của văn hóa. Phát triển văn hóa phải hài hòa với phát triển kinh tế, do đó cần phát huy tối đa sức mạnh của văn hóa, làm cho các nhân tố văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực, trong mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương và mọi quan hệ của con người với tự nhiên, xã hội và chính mình, biến văn hóa thành một nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Quan điểm xác định trách nhiệm của mọi người dân Việt Nam đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà; công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ gắn bó với nhân dân, giữ vai trò quan trọng, là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Câu 33: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013)?

Gợi ý trả lời:

Hội nghị Trung ương 8 (11-2013) đã ra Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:*

- Coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

- Đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Gợi ý trả lời:

Hội nghị Trung ương 8 (11-2013) đã ra Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

** Quan điểm chỉ đạo của Trung ương:*

- Coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã có nhiều quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và đào tạo. Ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày với các Bộ trưởng 6 nhiệm vụ cấp bách của đất nước lúc bấy giờ, trong đó có nhiệm vụ về giáo dục: Diệt giặc đói. Giáo dục và đào tạo đóng vai trò then chốt, là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của Nhà nước, được ưu tiên trước nhất, thậm chí đi trước một bước so với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, mục tiêu của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh.

- Đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm

thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Đổi mới để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhu cầu học tập của nhân dân. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học, các giải pháp đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp. Đổi mới căn bản và toàn diện không có nghĩa là làm lại tất cả, từ đầu mà cần vừa kế thừa, củng cố, phát huy các thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới, vừa kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc; đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp với thực tế đất nước, địa phương. Những hạn chế, thách thức của giáo dục phải được nhận thức sâu sắc, có giải pháp hữu hiệu và lộ trình khắc phục, vượt qua để đưa sự nghiệp giáo dục lên tầm cao mới.

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ.

Ngày nay, nhân loại đã bước vào kỷ nguyên thông tin. Hằng ngày, con người được tiếp nhận lượng thông tin rất lớn, từ nhiều kênh, nhiều chiều. Với truyền thụ kiến thức, người học thường bị giới hạn bởi người thầy, trong khi cần chuẩn bị cho học sinh vượt thầy, vượt sách, để có thể sống và làm việc trong một thế giới biến đổi rất nhanh. Do đó cần đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

Xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đã đòi hỏi các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng phải tiếp cận giáo dục theo cách của giáo dục mở nếu muốn xây dựng nền kinh tế tri thức, muốn sử dụng được thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những thách thức cho nền giáo dục Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển giáo dục từ xa, qua mạng, học trực tiếp kết hợp với trực tuyến cho mọi người qua các phương tiện truyền thông và các nền tảng công nghệ thông tin. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, nhiều thỏa thuận, biên bản ghi nhớ được ký kết. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã chủ động, tích cực hội nhập quốc tế thông qua các chương trình liên kết đào tạo với nước. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Trong quá trình hợp tác và tiếp thu những mặt phát triển trong giáo dục ở bên ngoài, cần phải giữ vững lập trường giáo dục nước nhà, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, không chạy theo, biến chất, không đồng hóa, không chảy máu chất xám và phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 34: Trình bày các quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 9, khóa XII (10-2018)?

Gợi ý trả lời:

- Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn.

- Phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

- Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam.

Gợi ý trả lời:

- Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, nhằm tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với trách nhiệm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Bởi vì, chỉ trên cơ sở nhận thức đúng thì mới tạo được sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước trong mỗi người dân Việt Nam đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, như Bác Hồ đã căn dặn: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô

cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và bè lũ cướp nước”

- Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn.

Quán triệt và vận dụng phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Người, cần thấm nhuần quan điểm có tính nguyên tắc: Chủ quyền biển, đảo là chủ quyền quốc gia trên biển, là lợi ích quốc gia thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là cái “bất biến”. Biển Việt Nam có vị trí địa lý kinh tế quan trọng, trong đó Biển Đông là một trong những tuyến đường hàng hải lớn của thế giới. Sự hình thành mạng lưới cảng biển cùng các tuyến đường bộ, đường sắt dọc ven biển và nối với các vùng sâu trong nội địa cho phép vùng biển và ven biển nước ta có khả năng chuyên chở hàng hóa xuất, nhập khẩu một cách nhanh chóng, thuận lợi. Biển Việt Nam có tiềm năng tài nguyên phong phú, đặc biệt là dầu mỏ, khí đốt và các nguồn tài nguyên khác. Bên cạnh đó, biển, đảo nước ta được ví như mặt tiền, sân trước, cửa ngõ quốc gia; các vùng biển và hải đảo cùng với đất liền hình thành phen giậu, pháo đài, chiến lũy nhiều tầng, lớp, bố trí thành tuyến phòng thủ liên hoàn vững chắc bảo vệ Tổ quốc.

- Phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Xác lập và thực thi chiến lược phát triển đất nước thành một quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; phát huy các nguồn lực bên trong, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài để phát triển các khu vực ven biển. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định khẳng định phát triển kinh tế biển là cơ sở quan trọng để củng cố quốc phòng - an ninh trên biển, đồng thời củng cố quốc phòng - an ninh trên biển

là điều kiện, tiền đề để phát triển kinh tế biển một cách bền vững. Để chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, Đảng yêu cầu thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá; Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên biển Đông bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982; Giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển.

- Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam.

Trong bảo vệ chủ quyền biển, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao và văn hóa của đất nước. Theo Người, sức mạnh bảo vệ biển, đảo là sức mạnh đoàn kết toàn dân. Trong sức mạnh đoàn kết toàn dân bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Người luôn nhấn mạnh đến lực lượng trực tiếp và nòng cốt là Hải quân nhân dân Việt Nam.

[BỔ SUNG]

- Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển kinh tế đất nước.

- Giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quyền tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở công bằng, bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

- Tăng cường quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển. Gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường, tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu.
- Lấy khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực về biển; kết hợp huy động các nguồn lực trong và ngoài nước. Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập, hợp tác quốc tế, ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược hàng đầu thế giới có công nghệ nguồn, trình độ quản lý tiên tiến trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Câu 35: Phân tích bài học “Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”?

Gợi ý trả lời:

**** Cơ sở lý luận:***

Quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin và Hồ Chí Minh: Muốn đi tới thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

**** Cơ sở thực tiễn:***

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu chiến lược xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

** Nội dung của bài học:*

- Mục tiêu độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta là một tất yếu khách quan; hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

- Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

- Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau trong tiến trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chỉ có đi theo con đường này mới có nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, mới đảm bảo được độc lập dân tộc thực sự, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của đất nước để hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả...

Bài làm:

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng nước ta, là một trong những cội nguồn thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

** Cơ sở thực tiễn:*

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác-Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là hai cuộc giải phóng vĩ đại, quan hệ mật thiết với nhau như hai cánh chim. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

** Cơ sở thực tiễn:*

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu chiến lược xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) xác định rõ mục tiêu: *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập và để đi tới xã hội cộng sản*. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành được độc lập cho dân tộc, nhưng lại phải tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vào ngày 30-4-1975 mới giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986

đền nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đề ra, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

** Nội dung của bài học:*

Mục tiêu độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta là một tất yếu khách quan; hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong tiến trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thời kỳ cả nước thực hiện một chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1945), cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là mục tiêu trực tiếp, còn cách mạng xã hội chủ nghĩa mới chỉ là phương hướng, là triển vọng tiến lên của cách mạng Việt Nam. Đặt cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phương hướng, triển vọng tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ quy định tính triệt để của cuộc cách mạng đó, vì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng ta tiến hành là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Đó là điều kiện cơ bản để thực hiện cách mạng không ngừng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối chiến lược giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho phép Đảng ta kết hợp được sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược cơ bản của Đảng ta. Vì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải tiếp tục giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với dân tộc...

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc là điều kiện để nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có đi theo con đường này mới có nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, mới đảm bảo được độc lập dân tộc thực sự, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của đất nước để hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả... Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm

- Năm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bài học kinh nghiệm lớn, có tính chất bao trùm của Đảng ta vì:
- + Từ khi có Đảng, đường lối đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam.
- + Là ngọn cờ bách chiến bách thắng của cách mạng Việt Nam.

+ Với đường lối cơ bản này, Đảng ta đã giải quyết thắng lợi một loạt vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Cho phép Đảng ta khơi dậy được sức mạnh của quá khứ, của hiện tại, của tương lai, sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Câu 36: Phân tích bài học “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”?

Gợi ý trả lời:

**** Cơ sở lý luận:***

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về: Cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; Cách mạng thành công thì *quyền giao cho dân chúng số nhiều*. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân;

**** Cơ sở thực tiễn:***

- Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác, từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành.

**** Nội dung bài học:***

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân.

- Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc*, Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân.

Bài làm:

** Cơ sở lý luận:*

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì quyền giao cho dân chúng số nhiều. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

** Cơ sở thực tiễn:*

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác, từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

** Nội dung bài học:*

Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ, quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân. Thấm nhuần chỉ dẫn của

Chủ tịch Hồ Chí Minh: *dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*. Xuyên suốt quá trình lãnh đạo của mình, Đảng ta luôn khẳng định công tác Dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, là điều kiện quan trọng đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối liên hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, coi dân vận là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, các đoàn thể, chính quyền, cán bộ. Với tính chất “dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân, không để sót một người nào, góp thành lực lượng toàn dân để thực hành những công việc nên làm, những công việc mà đoàn thể và Chính phủ đã giao cho” như chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác dân vận trong hoạt động phòng chống dịch Covid-19 ở TPHCM thời gian qua đã thực sự tác động đến đông đảo người dân, góp phần quan trọng vào những thành công của hoạt động này. Trong hầu hết các trường hợp, công tác tuyên truyền và vận động luôn đi song hành với nhau, đều bắt đầu khía cạnh “đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm” như Bác Hồ đã chỉ dạy, từ đó thúc đẩy người dân thực hành các công việc nên làm, phải làm.

Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc*, Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân. Người chỉ ra rằng: Dân vận không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ. Trước nhất, phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ rằng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được. Điểm thứ hai là, bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành; khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng...

Trong hoạt động lãnh đạo phong phú, sôi động và hào hùng, từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn thấm nhuần bài học sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Đảng đều có điểm xuất phát là từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân vào dự thảo các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần là thể hiện rõ tinh thần phát huy dân chủ trong Đảng và toàn xã hội, củng cố, bồi đắp niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động và ý chí quyết tâm trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Câu 37: Phân tích bài học “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”?

Gợi ý trả lời:

*** Cơ sở lý luận:**

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác–Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và tư tưởng đoàn kết giai cấp vô sản toàn thế giới: “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”, “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại”.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và giá trị truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

*** Cơ sở thực tiễn:**

Nhờ sức mạnh đoàn kết dân tộc đã làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

***Nội dung của bài học:**

- Chiến lược đại đoàn kết dân tộc là lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung.

- Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai.

- Đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo,...

Bài làm:

*** Cơ sở lý luận:**

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848)*, Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại*. Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*. Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý

báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nêu cao ngọn cờ dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

** Cơ sở thực tiễn:*

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

** Nội dung của bài học:*

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung. Khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Đại đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Mục tiêu tổng quát của cách mạng nước ta là : “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Theo đó, để có giàu mạnh và trong quá trình tiến tới giàu mạnh, phải xây dựng xã hội, mà trong đó mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo đều được sống trong sự công bằng, bình đẳng, đều có quyền và điều kiện để làm chủ, có nghĩa vụ đóng góp tích cực nhất cho sự phát triển của đất nước. Muốn có dân chủ, đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thuận xã hội, phải có sự lãnh đạo của Đảng. Trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ ở cơ sở, trọng tâm là thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực kinh tế, bảo đảm hài hòa các lợi ích giữa cá nhân, tập thể và cộng đồng xã hội. Trong hoạt động kinh tế rất cần có đoàn kết, hợp tác, liên kết, liên doanh giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế. Đồng thời, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá; xây dựng cả đời sống vật chất và tinh thần, cả văn minh vật chất và văn minh tinh thần.

Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, ngày nay, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội. Để xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Chủ tịch Hồ

Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng củng cố khối liên minh công-nông-trí. Người chỉ rõ: Đảng và Chính phủ rất mong muốn, rất cố gắng, rất chăm lo xây dựng khối đoàn kết công, nông, trí; đoàn kết lâu dài trong kháng chiến, trong kiến quốc, thực hành xã hội chủ nghĩa. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân là cầu nối rất quan trọng thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, qua đó tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.